TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 168/QĐ-HHC	*Nghệ An, ngày 31 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Xây dựng khuôn viên Hồ điều hòa tại nhà máy thủy điện Hủa Na.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chính sách miễn, giảm thuế theo nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc Hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển Kinh tế-Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối

lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 4799/QĐ-SXD ngày 23/12/2021 của Sở xây dựng Nghệ An về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Nghệ An theo thông tư số 13/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Công văn số 2507/LS-XD-TC ngày 14/7/2022 của Liên sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Nghệ An về việc công bố giá vật liệu xây dựng Quý II/2022;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HHC-HĐQT ngày 14/9/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-HHC-HĐQT ngày 29/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na về việc phê duyệt và ban hành Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh và vốn vay của Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-HĐQT-HHC ngày 13/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Quỹ khen thưởng – phúc lợi năm 2022 Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na;

Căn cứ Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Khuôn viên Hồ điều hòa tại nhà máy do Công ty Công ty cổ phần xây dựng 497 lập;

Căn cứ Báo cáo thẩm định Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Khuôn viên Hồ điều hòa tại nhà máy của Tổ thẩm định PV Power HHC;

Căn cứ Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu do Phòng KT-KH PV Power HHC lập;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Xây dựng khuôn viên Hồ điều hòa tại nhà máy thủy điện Hủa Na của Tổ thẩm định PV Power HHC;

Căn cứ tình hình thực tế tại Nhà máy thủy điện Hủa Na.

Xét đề nghị của Phòng KT-KH tại Tờ trình số 79/TTr-KTKH ngày 26/8/2022 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Xây dựng khuôn viên Hồ điều hòa tại nhà máy thủy điện Hủa Na.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa

chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Xây dựng khuôn viên Hồ điều hòa tại nhà máy thủy điện Hủa Na với các nội dung chính như sau:

I. BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG.

1. Tên công trình: Nhà máy thủy điện Hủa Na.

2. Hạng mục: Khuôn viên Hồ điều hòa tại nhà máy.

3. Loại công trình: Hạ tầng kỹ thuật; Cấp công trình: cấp IV.

4. Tên chủ đầu tư: Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na.

5. Địa điểm xây dựng: Tại nhà máy thủy điện Hủa Na, xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

6. Nhà thầu tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần xây dựng 497.

7. Đơn vị thẩm định: Tổ thẩm định Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

8. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng khuôn viên Hồ điều hòa nhằm mục đích tạo kiến trúc cảnh quan, hài hòa với không gian xung quanh, đảm bảo mỹ quan cho khu vực và nâng cao chất lượng môi trường sống, sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên sinh hoạt và làm việc tại nhà máy.

9. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, tiêu chuẩn TK:	TCVN 5574:2012
- Khảo sát cho xây dựng - Các nguyên tắc cơ bản:	TCVN 9363:2012
- Công tác trắc địa trong xây dựng:	TCVN 9398:1912
- Công tác đất, Quy phạm thi công và nghiệm thu:	TCVN 4447:2012
- Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế:	TCVN 5575- 2012
- Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế:	TCVN 5573:2011
- Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế:	TCVN 7957:2008

- Và các quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

10. Quy mô và giải pháp thiết kế chủ yếu:

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục công trình đã được Công ty cổ phần xây dựng 497 lập trên cơ sở kết quả khảo sát, kiểm tra thực tế tại hiện trường với quy mô và các giải pháp thiết kế chủ yếu như sau:

Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được Công ty cổ phần xây dựng 497 lập trên cơ sở kết quả khảo sát, kiểm tra thực tế tại hiện trường với quy mô và các giải

pháp thiết kế chủ yếu như sau:

10.1. Khuôn viên:

- Sân đường nội bộ: được thiết kế với diện tích 404,49 m2, kết cấu bằng lát gạch terrazo 40x40x3cm (6,25v/m2);

- Trên khuôn viên Hồ điều hòa được bố trí trồng 10 cây Săng lẻ có đường kính từ 21-30cm tại các vị trí phù hợp trên mặt bằng để tạo cảnh quan cây xanh cho khu vực. Tại các hố trồng cây được rải thêm một lớp đất màu, đất màu được tận dụng từ khu vực lân cận nhà máy, đào xúc lên phương tiện vận chuyển bằng máy đào 1,25m3, vận chuyển bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 1000m.

- Xung quanh Nhà lục giác được thiết kế rải một lớp đá cuội sỏi để tạo cảnh quan, sỏi cuội được tận dụng ở lân cận khu vực nhà máy, vận chuyển về chân công trình phạm vi 1000m.

10.2. Nhà lục giác:

- Nhà lục giác được thiết kế theo hình lục giác đều với diện tích 132,99 m2, mỗi cạnh dài 7,155m; chiều cao từ nền đến đỉnh cột là 3m, chiều cao đến đỉnh mái là 6,368m.

- Giải pháp kết cấu chịu lực chính gồm: Móng cột bằng bê tông cốt thép mác M200 đá 1x2cm, móng tường bằng đá hộc xây vữa XM M50; Hệ cột bằng ống thép mạ kẽm đường kính D150mm; mái bằng hệ vì kèo, xà gồ, thanh giằng bằng thép hộp mạ kẽm 80x40x1,4mm và lợp mái bằng tôn giả ngói dày 0,3mm.

- Nhà được thiết kế hệ thống lan can bao xung quanh nhà; Lan can bằng ống thép mạ kẽm cao 0,7m và bố trí 02 bậc ra vào bằng xây Gạch bê tông đặc (105x60x220cm) vữa XM M50.

- Đối với các công tác lắp dựng gồm: Cột thép mạ kẽm D150mm; hệ vì kèo, xà gồ, thanh giằng bằng thép hộp mạ kẽm 80x40x1,4mm; lợp mái bằng tôn giả ngói dày 0,3mm; Lan can bằng ống thép mạ kẽm cao 0,7m: Công ty tổ chức mua sắm vật tư, vật liệu và tự triển khai lắp dựng để tiết kiệm chi phí.

11. Giá trị dự toán xây dựng công trình:

Phê duyệt giá trị dự toán xây dựng: 250.694.920 đồng.

Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu, sáu trăm chín mươi tư nghìn, chín trăm hai mươi đồng./.

Trong đó :

+ Chi phí xây dựng trước thuế: 232.124.926 đồng;

+ Thuế VAT (8%): 18.569.994 đồng.

(Chi tiết như phụ lục 01 kèm theo)

12. Thời gian thực hiện: Trong Quý III÷ Quý IV/2022 (hoàn thành trong vòng 40 ngày kể từ ngày ngày bàn giao mặt bằng).

13. Nguồn vốn: Sử dụng nguồn vốn từ Quỹ phúc lợi năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na đã được Hội đồng quản trị phê duyệt tại Quyết định số 24/QĐ-HĐQT-HHC ngày 13/6/2022 để triển khai thực hiện.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

II. KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU:

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu như sau:

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (tr.đ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	T.gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	T.gian thực hiện h/đồng
1	Xây dựng khuôn viên Hồ điều hòa tại nhà máy thủy điện Hủa Na	232,125	SXKD 2022	Chỉ định thầu rút gọn	Quý III/2022	Trọn gói	≤40 ngày

III. DỰ TOÁN GÓI THẦU XÂY DỰNG:

Phê duyệt dự toán gói thầu: Xây dựng khuôn viên Hồ điều hòa tại nhà máy thủy điện Hủa Na như sau:

VNĐ

STT	Nội dung chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	**Chi phí xây dựng của gói thầu**	**232.124.926**	**18.569.994**	**250.694.920**	**G_{XD}**
1.1	Chi phí xây dựng	232.124.926	18.569.994	250.694.920	
2	**Chi phí dự phòng**	**0**	**0**	**0**	**G_{DPXD}**
	Tổng cộng (1+2)	**232.124.926**	**18.569.994**	**250.694.920**	**G_{GTXD}**

Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu, sáu trăm chín mươi tư nghìn, chín trăm hai mươi đồng./.

(Chi tiết như phụ lục 02 kèm theo).

Điều 2: Giao cho các Phòng ban, Phân xưởng Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành và của Công ty.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng ban, Phân xưởng và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- HĐQT, Ban KS (để b/c);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D:2900797430 - C.T.
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA
H.QUỲ PHONG-T.NGHỆ AN

Trịnh Bảo Ngọc

PHỤ LỤC 01

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA

HẠNG MỤC: KHUÔN VIÊN HỒ ĐIỀU HÒA TẠI NHÀ MÁY

(Kèm theo Quyết định số 168/QĐ-HHC ngày 31/8/2022 của Giám đốc PV Power HHC)

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)
I	**Nhà lục giác:**				**120.382.227**
1	San gạt nền tạo mặt bằng, bằng máy đào 0,8m3	Ca	1	3.395.478	3.395.478
2	Đào móng bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	$100m^3$	0,406	3.326.352	1.350.499
3	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg (không yêu cầu độ chặt)	$100m^3$	0,485	3.265.272	1.583.657
4	Bê tông lót móng, M150, đá 4x6, PCB40	m^3	4,397	1.566.228	6.886.703
5	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤10mm	Tấn	0,013	26.202.109	340.627
6	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤18mm	Tấn	0,185	26.183.480	4.843.944
7	Bê tông móng cột, M200, đá 1x2, PCB40	m^3	10,833	1.767.092	19.142.907
8	Bê tông cột, M200, đá 1x2, PCB40	m^3	0,456	2.634.014	1.201.111
9	Bê tông nền nhà, M200, đá 1x2, PCB40	m^3	6,650	1.752.614	11.654.882
10	Lát nền bằng gạch granit in KTS, KT 60x60cm, vữa XM M75, PCB40	m^2	132,990	317.223	42.187.540
11	Xây móng bằng đá hộc - Chiều dày ≤60cm, vữa XM M50, PCB40	m^3	10,781	1.737.718	18.734.335
12	Trát tường chân móng dày 1,5cm, vữa XM M50, PCB40	m^2	19,319	118.719	2.293.532
13	Xây bậc tam cấp bằng Gạch bê tông đặc (105x60x220cm), vữa XM M50, PCB40	m^3	1,800	2.764.963	4.976.934
14	Trát bậc tam cấp dày 1,5cm, vữa XM M50, PCB40	m^2	4,440	118.719	527.112
15	Lắp đặt các automat 1 pha 10A	Cái	1	82.133	82.133
16	Lắp đặt dây dẫn 2x1,5mm2	m	15,000	27.105	406.576
17	Lắp đặt đèn trang trí nổi	Bộ	3	258.086	774.258
II	**Khuôn viên:**				**111.742.699**
	Sân đường nội bộ:				
18	Lát sân, đường nội bộ bằng gạch terrazo 40x40x3cm (6,25v/m2)	m^2	404,490	157.186	63.580.188
19	Lắp đặt ống nhựa PVC - Đường kính 90mm	100m	0,160	10.274.501	1.643.920
20	Lắp đặt ống nhựa PVC - Đường kính 60mm	100m	0,200	7.348.163	1.469.633
21	Lắp đặt ống nhựa PVC - Đường kính 27mm	100m	0,370	2.779.755	1.028.509
22	Lắp đặt vòi rửa - Đường kính 27mm	Cái	6,000	103.858	623.149
	Trồng cây:				

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)
23	Đào hố trồng cây bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	$100m^3$	0,600	3.326.352	1.995.811
24	Cung cấp, vận chuyển đến vị trí trên công trình, trồng và chăm sóc cây đến khi cây sống, loại cây Săng lẻ có đường kính từ 21-30cm		10,000	3.101.304	31.013.044
25	Đào xúc đất màu về để trồng cây bằng máy đào 1,25m3 - Cấp đất I	$100m^3$	0,400	968.631	387.452
26	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 1000m - Cấp đất I	$100m^3$	0,400	2.095.876	838.350
27	Rải đất màu bằng thủ công vào hố trồng cây	m^3	40,000	175.972	7.038.876
28	Xúc cuội sỏi lên phương tiện vận chuyển bằng máy đào 1,25m3	$100m^3$	0,033	1.805.460	59.580
29	Vận chuyển cuội sỏi, ô tô tự đổ 12T trong phạm vi ≤1000m	$100m^3$	0,033	2.793.565	92.188
30	Rải đá cuội sỏi xung quanh nhà lục giác	m^3	4,258	463.128	1.972.000
A	**Cộng giá trị trước thuế**				**232.124.926**
B	**Thuế GTGT: A*8%**				**18.569.994**
C	**Cộng giá trị sau thuế: (A+B)**				**250.694.920**

PHỤ LỤC 02

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN GÓI THẦU

GÓI THẦU: XÂY DỰNG KHUÔN VIÊN HỒ ĐIỀU HÒA TẠI NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA

(Kèm theo Quyết định số 168/QĐ-HHC ngày 31/8/2022 của Giám đốc PV Power HHC)

STT	Nội dung chi phí	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế GTGT (8%) (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)	Ký hiệu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3+4)	(6)
1	**Chi phí xây dựng của gói thầu**	**232.124.926**	**18.569.994**	**250.694.920**	**Gxd**
1.1	Chi phí xây dựng	232.124.926	18.569.994	250.694.920	
2	**Chi phí dự phòng (GDPXD1 + GDPXD2)**	**-**	**-**	**-**	**Gdpxd**
2.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh	-	-	-	Gdpxd1
2.2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	-	-	-	Gdpxd2
	TỔNG CỘNG (1+2)	**232.124.926**	**18.569.994**	**250.694.920**	**GGTXD**

BẢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT GÓI THẦU

GÓI THẦU: XÂY DỰNG KHUÔN VIÊN HỒ ĐIỀU HÒA TẠI NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thuế GTGT (8%)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)	(7)	(8)=(6+7)
I	**Nhà lục giác:**						**130.012.805**
1	San gạt nền tạo mặt bằng, bằng máy đào 0,8m3	Ca	1	3.395.478	3.395.478	271.638	3.667.116
2	Đào móng bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	$100m^3$	0,406	3.326.352	1.350.499	108.040	1.458.539
3	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg (không yêu cầu độ chặt)	$100m^3$	0,485	3.265.272	1.583.657	126.693	1.710.350
4	Bê tông lót móng, M150, đá 4x6, PCB40	m^3	4,397	1.566.228	6.886.703	550.936	7.437.640
5	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤10mm	Tấn	0,013	26.202.109	340.627	27.250	367.878
6	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤18mm	Tấn	0,185	26.183.480	4.843.944	387.516	5.231.459
7	Bê tông móng cột, M200, đá 1x2, PCB40	m^3	10,833	1.767.092	19.142.907	1.531.433	20.674.340
8	Bê tông cột, M200, đá 1x2, PCB40	m^3	0,456	2.634.014	1.201.111	96.089	1.297.199
9	Bê tông nền nhà, M200, đá 1x2, PCB40	m^3	6,650	1.752.614	11.654.882	932.391	12.587.272
10	Lát nền bằng gạch granit in KTS, KT 60x60cm, vữa XM M75, PCB40	m^2	132,990	317.223	42.187.540	3.375.003	45.562.543
11	Xây móng bằng đá hộc - Chiều dày ≤60cm, vữa XM M50, PCB40	m^3	10,781	1.737.718	18.734.335	1.498.747	20.233.081
12	Trát tường chân móng dày 1,5cm, vữa XM M50, PCB40	m^2	19,319	118.719	2.293.532	183.483	2.477.015
13	Xây bậc tam cấp bằng Gạch bê tông đặc (105x60x220cm), vữa XM M50, PCB40	m^3	1,800	2.764.963	4.976.934	398.155	5.375.089
14	Trát bậc tam cấp dày 1,5cm, vữa XM M50, PCB40	m^2	4,440	118.719	527.112	42.169	569.281
15	Lắp đặt các automat 1 pha 10A	Cái	1,000	82.133	82.133	6.571	88.704
16	Lắp đặt dây dẫn 2x1,5mm2	m	15,000	27.105	406.576	32.526	439.102
17	Lắp đặt đèn trang trí nổi	Bộ	3,000	258.086	774.258	61.941	836.198
II	**Khuôn viên:**						**120.682.115**

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thuế GTGT (8%)	Thành tiền (đồng)
	Sân đường nội bộ:						
18	Lát sân, đường nội bộ bằng gạch terrazo 40x40x3cm (6,25v/m2)	m^2	404,490	157.186	63.580.188	5.086.415	68.666.603
19	Lắp đặt ống nhựa PVC - Đường kính 90mm	100m	0,160	10.274.501	1.643.920	131.514	1.775.434
20	Lắp đặt ống nhựa PVC - Đường kính 60mm	100m	0,200	7.348.163	1.469.633	117.571	1.587.203
21	Lắp đặt ống nhựa PVC - Đường kính 27mm	100m	0,370	2.779.755	1.028.509	82.281	1.110.790
22	Lắp đặt vòi rửa - Đường kính 27mm	Cái	6,000	103.858	623.149	49.852	673.001
	Trồng cây:						
23	Đào hố trồng cây bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	$100m^3$	0,600	3.326.352	1.995.811	159.665	2.155.476
24	Cung cấp, vận chuyển đến vị trí trên công trình, trồng và chăm sóc cây đến khi cây sống, loại cây Săng lẻ có đường kính từ 21-30cm		10,000	3.101.304	31.013.044	2.481.044	33.494.087
25	Đào xúc đất màu về để trồng cây bằng máy đào 1,25m3 - Cấp đất I	$100m^3$	0,400	968.631	387.452	30.996	418.449
26	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 1000m - Cấp đất I	$100m^3$	0,400	2.095.876	838.350	67.068	905.418
27	Rải đất màu bằng thủ công vào hố trồng cây	m^3	40,000	175.972	7.038.876	563.110	7.601.986
28	Xúc cuội sỏi lên phương tiện vận chuyển bằng máy đào 1,25m3	$100m^3$	0,033	1.805.460	59.580	4.766	64.347
29	Vận chuyển cuội sỏi, ô tô tự đổ 12T trong phạm vi ≤1000m	$100m^3$	0,033	2.793.565	92.188	7.375	99.563
30	Rải đá cuội sỏi xung quanh nhà lục giác	m^3	4,258	463.128	1.972.000	157.760	2.129.759
	Cộng giá trị				**232.124.926**	**18.569.994**	**250.694.920**